

Số: /BC-UBND

Nghi Xuân, ngày

tháng 4 năm 2020

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ

Tổng kết thực hiện Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ về Định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020

Thực hiện Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 06/3/2020 của UBND tỉnh về Tổng kết các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ và Hội đồng nhân dân tỉnh về Đề án giảm nghèo bền vững tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2016-2020; UBND huyện Nghi Xuân báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

- UBND huyện thành lập Ban chỉ đạo giảm nghèo, sau đó kiện toàn thành Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia do đồng chí Bí thư Huyện ủy làm Trưởng ban (tại Quyết định số 687-QĐ/HU ngày 30/5/2019);

- Kịp thời ban hành văn bản chỉ đạo, triển khai cụ thể hóa Nghị quyết của Chính phủ và Chương trình, kế hoạch, đề án của Ủy ban nhân dân tỉnh phù hợp tình hình của địa phương. Chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo giai đoạn 2011-2020 được thông qua Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2010-2015 và 2015-2020; hàng năm được HĐND huyện thông qua Nghị quyết và UBND huyện ban hành Kế hoạch triển khai công tác giảm nghèo cả giai đoạn 5 năm và từng năm.

- UBND huyện đã ban hành hàng chục văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện; xây dựng nội dung, kế hoạch, kinh phí cho công tác giảm nghèo được phê duyệt hàng năm.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn thành lập Ban chỉ đạo để chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện các Nghị quyết, chương trình, kế hoạch về công tác giảm nghèo; tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá tình hình thực hiện giảm nghèo hàng năm, xây dựng kế hoạch cụ thể chi tiết cho năm sau, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và cả giai đoạn.

- Tổ chức tập huấn, tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ và các chính sách, chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo cho các thành viên Ban chỉ đạo huyện, xã, đội ngũ cán bộ thôn, xóm và đến tận mỗi người dân.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu

a. Mục tiêu tổng quát:

Thực hiện chính sách giảm nghèo là một trọng tâm chiến lược phát triển kinh tế - xã hội gắn với Chương trình mục tiêu xây dựng NTM của các địa phương; tạo điều kiện cho các hộ nghèo tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản và nâng cao nhận thức, năng lực giảm nghèo đã có tác động tích cực đến đời sống vật chất, tinh thần của người dân từng bước cải thiện và nâng cao điều kiện sống của người nghèo.

b. Mục tiêu cụ thể:

- Kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo:

+ Giai đoạn 2011-2015: giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 17,18% (đầu năm 2011) xuống còn 7,26% (đầu năm 2015). Tuy nhiên, tỷ lệ này còn cao hơn so với mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo của cả nước dưới 5%.

+ Giai đoạn 2016-2020: mỗi năm đã giảm bình quân 2,07%/năm (vượt so với kế hoạch từ 1 đến 2%). Đến nay, toàn huyện có tỷ lệ hộ nghèo thấp hơn mức trung bình chung toàn tỉnh; tỷ lệ hộ nghèo đa chiều là 3,68 %, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn Nông thôn mới 1,77% (Tỷ lệ hộ nghèo theo đa chiều đầu năm 2016 là 3.326 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 11,95%, đến cuối năm 2019, còn 1.062 hộ nghèo, giảm 2.264 hộ, giảm 8,27% và dự kiến năm 2020 dưới 3%).

- Điều kiện sống của người nghèo được cải thiện rõ rệt, trước hết là về y tế, giáo dục, văn hóa, nước sinh hoạt, nhà ở; người nghèo tiếp cận ngày càng thuận lợi hơn các dịch vụ xã hội cơ bản;

- Với chính sách đặc thù, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội ở các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển được tập trung đầu tư đồng bộ theo tiêu chí nông thôn mới, đặc biệt hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu như: giao thông, điện, đường, trường, trạm...; hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo.

2. Về bố trí nguồn lực

- Trong điều kiện ngân sách địa phương đang khó khăn, để giành nguồn lực đầu tư cho Chương trình xây dựng nông thôn mới nên nguồn lực đầu tư cho công tác giảm nghèo đang chủ yếu gửi vào ngân sách trung ương bố trí. Ngân sách bố trí thực hiện các chính sách giảm nghèo chung và phát triển cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển (mỗi năm 1 tỷ đồng/xã) và nguồn hỗ trợ phát triển sản xuất đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình từ nguồn vốn sự nghiệp (mỗi năm khoảng 300 triệu/xã). Tuy vậy, hàng năm nguồn kinh phí này thường là cuối quý 2 mới được phân bổ nên các địa phương bị động trong công tác lập kế hoạch từ đầu năm và gặp khó khăn trong công tác giải ngân quyết toán kinh phí trong năm.

- Trong những năm qua huyện Nghi Xuân đã làm tốt công tác huy động nguồn lực xã hội hóa để hỗ trợ người nghèo như: huy động hơn 7 tỷ đồng làm được hơn 100 căn nhà cho hộ nghèo (70 triệu/nhà); hàng năm huy động hàng trăm triệu đồng để tặng quà cho hộ nghèo...

- Kinh phí thực hiện trong giai đoạn 2011-2020: 1.050.381 triệu đồng, trong đó: ngân sách Trung ương 989.559 triệu đồng, ngân sách địa phương 17.728 triệu đồng, huy động nguồn lực khác 50.817 triệu đồng.

- Đối tượng thụ hưởng: 212.080 lượt người.

3. Kết quả thực hiện các chính sách (có Biểu số 1 chi tiết kèm theo)

a. Các chính sách hỗ trợ giảm nghèo chung

- Hỗ trợ sản xuất, dạy nghề, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người nghèo: Đã tạo điều kiện thuận lợi cho người nghèo tiếp cận các nguồn vốn, gắn với việc hướng dẫn cách làm ăn, khuyến nông, khuyến công và chuyển giao kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất; thực hiện có hiệu quả chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo, nhất là hộ có người khuyết tật, chủ hộ là phụ nữ. Thực hiện tốt chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn dạy nghề với tạo việc làm đối với lao động nghèo, chính sách hỗ trợ xuất khẩu lao động.

+ Hỗ trợ dạy nghề cho 2.978 người; kinh phí: 12.386,116 triệu đồng.

+ Hỗ trợ về phát triển sản xuất: 1.175 lượt, kinh phí 13.072,20 triệu đồng.

+ Hỗ trợ về tín dụng ưu đãi: cho 22.605 lượt vay ưu đãi với tổng kinh phí 629.109 triệu đồng.

+ Hỗ trợ tiền điện cho 7.884 lượt hộ nghèo; kinh phí 11.543 triệu đồng

- Hỗ trợ về giáo dục và đào tạo: Thực hiện có hiệu quả chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ học bổng, trợ cấp xã hội và hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh nghèo ở các cấp học, nhất là bậc mầm non; tiếp tục thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi đối với học sinh, sinh viên, nhất là sinh viên nghèo. Học sinh từ mẫu giáo đến trung học phổ thông được miễn, giảm tiền đóng góp xây dựng trường và hỗ trợ tiền học phí, tiền chi phí học tập theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ về quy định chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập. Tổng số 40.926 lượt học sinh được cấp bù học phí và hỗ trợ chi phí học tập, với tổng số tiền 10.083,118 triệu đồng.

- Hỗ trợ về y tế: kịp thời cấp thẻ bảo hiểm y tế cho 100% người nghèo, người thuộc xã ĐBK ven biển; hỗ trợ người thuộc hộ cận nghèo, hộ có mức thu nhập trung bình mua thẻ bảo hiểm y tế. Tổng số 121.090 thẻ BHYT, kinh phí 164.029,78 triệu đồng.

- Hỗ trợ về nhà ở: Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ về nhà ở cho hộ nghèo và huy động nguồn lực của cộng đồng, gia đình, dòng họ. Hỗ trợ làm nhà ở cho 429 hộ nghèo; kinh phí 9.971 triệu đồng.

- Hỗ trợ người nghèo tiếp cận các dịch vụ trợ giúp pháp lý: trợ giúp pháp lý miễn phí cho người nghèo, tạo điều kiện cho người nghèo hiểu biết quyền,

nghĩa vụ của mình, chủ động tiếp cận các chính sách trợ giúp của Nhà nước, vươn lên thoát nghèo. Phối hợp với Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh tổ chức các cuộc truyền thông về trợ giúp pháp lý kết hợp với trợ giúp pháp lý lưu động tại các xã, thị trấn cho gần 1000 đối tượng được trợ giúp pháp lý, phát 2.500 tờ rơi, tờ gấp và lồng ghép tuyên truyền về chế độ, chính sách đối với người có công với cách mạng, chính sách đất đai, bồi thường GPMB.

b. Các chính sách hỗ trợ giảm nghèo đặc thù:

- Chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển.

- Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển

- Chính sách về cán bộ: CBCCVV vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được hưởng phụ cấp ưu đãi.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi

Được sự quan tâm của các cấp ủy, chính quyền trong lãnh đạo, chỉ đạo, phát huy mạnh mẽ trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị và thu hút sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người nghèo nên công tác giảm nghèo đã đạt được đạt được kết quả khá quan. Người nghèo được tiếp cận tốt hơn các dịch vụ xã hội cơ bản, có tác động tích cực đến việc nâng cao thu nhập cho người dân, đời sống người nghèo được cải thiện rõ rệt; cơ sở hạ tầng phát triển gắn liền với xây dựng nông thôn mới; tỷ lệ hộ nghèo đã giảm từ 17,18% (đầu năm 2011) xuống còn 3,68% (năm 2019) và dự kiến năm 2020 dưới 3%.

2. Hạn chế và nguyên nhân

- Kết quả giảm nghèo trong giai đoạn 2011-2015 chưa thực sự bền vững, số hộ đã thoát nghèo nhưng mức thu nhập năm sát chuẩn nghèo còn lớn, tỷ lệ hộ tái nghèo hàng năm còn cao; tỷ lệ hộ nghèo chênh lệch giữa các xã còn khá lớn; đời sống người nghèo nhìn chung vẫn còn nhiều khó khăn. Nguyên nhân trước hết do điều kiện KT-XH còn nhiều khó khăn, nên mặc dù Nhà nước đã dành nguồn lực lớn cho giảm nghèo nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu; bên cạnh đó, một số chương trình, chính sách giảm nghèo chưa đồng bộ, còn mang tính ngắn hạn, thiếu sự gắn kết chặt chẽ; việc tổ chức thực hiện mục tiêu giảm nghèo ở một số nơi chưa sâu sát. Ngoài ra, một bộ phận người nghèo còn tâm lý ỷ lại, chưa tích cực, chủ động vươn lên thoát nghèo.

- Việc đầu tư nguồn lực cho công tác giảm nghèo của địa phương còn hạn hẹp, chủ yếu dựa vào nguồn kinh phí trung ương hỗ trợ.

- Nguồn kinh phí được hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước, hàng năm phân bổ chậm (thường là cuối quý 2 hoặc đầu quý 3) nên các địa phương bị động trong

công tác lập kế hoạch từ đầu năm và gặp khó khăn trong công tác giải ngân quyết toán kinh phí trong năm.

- Thông tư số 18/2017/TT-BNNKTHT của bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn mới ban hành ngày 9/10/2017 nên quá trình thực hiện năm 2016, 2017 các xã còn lúng túng, triển khai chậm và năm 2017 không giải ngân được hết kinh phí thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Tiếp tục thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, bao trùm, hạn chế tái nghèo; cải thiện đời sống, tăng thu nhập của người dân, tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo tiếp cận thuận lợi các dịch vụ xã hội cơ bản.

2. Tăng cường các chính sách kết nối về hạ tầng, đào tạo nghề, tạo việc làm, hỗ trợ sinh kế, khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo.

3. Phân định rõ nhóm hộ nghèo có khả năng thoát nghèo và nhóm hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội. Đối với nhóm hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội cần phải chuyển hướng, chuyển đổi hình thức hỗ trợ như các nhóm đối tượng đang thụ hưởng chính sách trợ giúp xã hội theo Nghị định 136/2013/NĐ-CP.

4. Cần bố trí nguồn lực hợp lý, không dàn trải để đảm bảo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững có hiệu quả./.

Nơi nhận:

- Sở Lao động - TB&XH;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các thành viên BCD huyện;
- Các phòng, ban, đoàn thể cấp huyện;
- Lưu: VT, LĐTBXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Bùi Việt Hùng